

TỘI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN: NHÌN TỪ MỘT SỐ VỤ ÁN CỤ THỂ

*Phan Thị Phương Hiền**

Tóm tắt: Bài viết phân tích một cách khái quát các dấu hiệu pháp lý của Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản - Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trên cơ sở các dấu hiệu pháp lý đã trình bày kết hợp với phân tích một số bản án thực tế, tác giả chỉ ra một số hạn chế trong các quy định của pháp luật và việc áp dụng Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 trên thực tiễn; từ đó, đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện.

Abstract: The article generally analyzes the legal features of the Crime of appropriating property by using computer and telecommunications networks, electronic media provided in Article 290, the Criminal Code of 2015. Based on the analysis and caselaws, the author sheds light on certain limitations of the legal provisions and the practical application of Article 290 of the Criminal Code. Thereby, proposals will be made for legal improvement accordingly.

Đặt vấn đề

Hiện nay, hành vi chiếm đoạt tài sản thông qua sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử đang rất phổ biến và được thực hiện với nhiều thủ đoạn tinh vi. “Theo số liệu của Cục thống kê tội phạm và công nghệ thông tin Viện kiểm sát nhân dân tối cao (trong 03 năm, từ 2018 đến 2020) cho thấy, số vụ phạm tội sử dụng công nghệ cao năm sau cao hơn năm trước, chủ yếu là phạm vào Điều 290 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015. Cụ thể: Số vụ khởi tố theo Điều 290 BLHS năm 2015 trong 03 năm là 914 vụ/399 bị can chiếm trên 90,4%, trong đó: Năm 2018 là 193 vụ/110 bị can, chiếm tỷ lệ trên 94,6%; năm 2019 là 286 vụ/114 bị can, chiếm 95,39%; năm 2020 là 435 vụ/175 bị can, chiếm 96,66%)”¹. Vì

vậy, BLHS năm 2015 kế thừa quy định từ Điều 226b BLHS năm 1999 và có một số điểm mới so với quy định trước đây khi quy định về Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản tại Điều 290 (mục 2 - Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông) thuộc Chương XIX - Các Tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng là hoàn toàn cần thiết. Tuy nhiên, thông qua quy định của BLHS năm 2015 và một số bản án thực tế, tác giả nhận thấy việc quy định và áp dụng quy định tại Điều 290 BLHS năm 2015 hiện hành còn một số hạn chế cũng như chưa có sự thống nhất.

* ThS., Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

¹ Nguyễn Quốc Hân, *Những vướng mắc khi thực hành quyền công tố trong giải quyết nguồn tin về tội*

phạm trong lĩnh vực CNTT, mạng viễn thông, <https://kiemsat.vn/nhung-vuong-mac-khi-thuc-hanh-quyen-cong-to-trong-giai-quyet-nguon-tin-ve-toi-pham-trong-linh-vuc-cntt-mang-vien-thong-61685.html>, truy cập ngày 19/9/2022.

1. Dấu hiệu pháp lý của Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290 BLHS năm 2015) quy định:

“Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

b) Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản;

d) Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản;

đ) Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Thứ nhất, về dấu hiệu định tội:

(1) Khách thể của tội phạm này là xâm phạm về an toàn và hoạt động bình thường trong lĩnh vực tin học và ứng dụng các thành tựu của tin học vào trong các lĩnh vực

của đời sống xã hội, qua đó xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác².

(2) Mặt khách quan của tội phạm: Đây là tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức với hành vi khách quan được thực hiện bằng một trong các dạng hành vi sau:

- Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ. *“Thẻ ngân hàng là công cụ thanh toán do ngân hàng phát hành thẻ cấp cho khách hàng sử dụng theo hợp đồng ký kết giữa ngân hàng phát hành thẻ và chủ thẻ”*³.

- Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ: *“Làm giả thẻ ngân hàng là việc cá nhân không có thẩm quyền sản xuất, phát hành thẻ ngân hàng nhưng sản xuất thẻ giống như thẻ ngân hàng trong đó có chứa đựng thông tin, dữ liệu như thẻ của ngân hàng phát hành”*⁴.

- Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản. *“Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản là hành vi cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa hoặc sử dụng mã truy cập vào tài khoản không phải của mình”*⁵.

² Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần Các tội phạm, Quyển 2) (Tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh, 2021, tr.100.

³ Khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSND TC-TANDTC ngày 10/9/2012 hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông.

⁴ Khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSND TC-TANDTC.

⁵ Khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSND TC-TANDTC.

- Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản. Đây là hành vi “*sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin sai sự thật về một sản phẩm, một vấn đề, lĩnh vực trong thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán trên mạng nhằm tạo niềm tin cho chủ tài sản, người quản lý tài sản, làm cho họ tưởng thật và mua, bán hoặc đầu tư vào lĩnh vực đó*”⁶.

- Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, Internet nhằm chiếm đoạt tài sản. “*Dịch vụ viễn thông là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng*”⁷. Các dịch vụ viễn thông hay Internet như: Dịch vụ thoại, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ truyền số liệu, hình ảnh, dịch vụ kết nối, truy cập Internet...

Theo khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 để cấu thành tội phạm này thì việc thực hiện các hành vi trên phải **nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản** và **không thuộc trường hợp của Điều 173 - Tội trộm cắp tài sản và Điều 174 - Tội lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản**. Điều này có nghĩa là nếu thực hiện các hành vi tại khoản 1 Điều 290 và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản mà đã cấu thành Điều 173 hay Điều 174 BLHS năm 2015 thì phải ưu tiên xử vào các tội phạm này trước (các tội phạm này được quy định trong Chương XXI - Các tội xâm phạm sở hữu).

(3) Về mặt chủ quan: Tội phạm này được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm nhưng vẫn mong muốn thực hiện hành vi. Theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015, dấu hiệu mục đích “nhằm chiếm đoạt tài sản” là dấu hiệu bắt buộc. Một câu hỏi đặt ra là “chiếm đoạt tài sản” được quy định trong Điều 290 được xác định là dấu hiệu hành vi hay là dấu hiệu mục đích? Nếu theo cách quy định tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015, dấu hiệu “chiếm đoạt tài sản” được xem xét là dấu hiệu mục đích thì sẽ thuộc dấu hiệu về mặt chủ quan của tội phạm, vì trong các quy định này BLHS năm 2015 dùng “để chiếm đoạt tài sản” hay “nhằm chiếm đoạt tài sản” và một số tác giả khác cũng xác định đây là dấu hiệu mục đích⁸. Tuy nhiên, nếu hiểu theo tên tội danh “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử **thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản**” thì chiếm đoạt tài sản lại là dấu hiệu hành vi thuộc mặt khách quan. Việc hiểu đúng dấu hiệu “chiếm đoạt tài sản” là dấu hiệu hành vi hay dấu hiệu mục đích rất quan trọng vì sẽ ảnh hưởng đến việc chứng minh các dấu hiệu để kết luận tội phạm cũng như ảnh hưởng đến việc xác định các giai đoạn thực hiện tội phạm.

(4) Về chủ thể: Tội phạm này quy định chủ thể thường. Chủ thể của tội phạm này là người từ đủ 14 tuổi trở lên. Nếu chủ thể là người đủ 16 tuổi trở lên thì không cần xác định loại tội phạm mà người phạm tội thực

⁶ Khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSND TC-TANDTC.

⁷ Khoản 7 Điều 3 Luật Viễn thông năm 2009.

⁸ Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần Các tội phạm, Quyển 2)*, sđd, tr.101; Nguyễn Thị Phương Hoa – Phan Anh Tuấn (đồng chủ biên), *Bình luận khoa học Những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb. Hồng Đức, 2017, Tp. Hồ Chí Minh, tr.270 - 271.

hiện. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vẫn có thể trở thành chủ thể của tội này nếu thuộc trường hợp tại khoản 3, khoản 4 Điều 290 (vì khoản 3 Điều 290 là loại tội phạm rất nghiêm trọng và khoản 4 Điều 290 là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng dựa vào căn cứ phân loại tội phạm theo Điều 9 BLHS năm 2015)⁹.

Thứ hai, về hình phạt: Tội phạm này quy định 4 khung hình phạt chính và một khung hình phạt bổ sung. Trong đó, khoản 1 quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; khoản 2 quy định hình phạt là phạt tù từ 02 năm đến 07 năm; khoản 3 quy định hình phạt phạt tù từ 07 năm đến 15 năm và khoản 4 quy định phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

2. Một số hạn chế trong quy định và áp dụng quy định Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản

Thứ nhất, BLHS năm 2015 quy định Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành

vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290) với dấu hiệu định tội “*nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này*” là không hợp lý. Điều 290 BLHS năm 2015 có thể xem là một trường hợp riêng so với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, tuy nhiên nó có dấu hiệu đặc trưng là việc chiếm đoạt tài sản được thực hiện thông qua hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử. Vì vậy, tội này xâm phạm đến khách thể trực tiếp là an toàn và hoạt động bình thường trong lĩnh vực tin học và ứng dụng các thành tựu của tin học vào trong các lĩnh vực của đời sống, xã hội, thông qua đó mới xâm phạm đến quan hệ sở hữu. Tác giả cho rằng, trong trường hợp có hành vi chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối hay lén lút mà không thuộc các trường hợp tại Điều 290 thì định tội danh theo Điều 173 hay Điều 174 mới là quy định hợp lý. Nếu thực tiễn định tội danh theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 290 sẽ khó có thể kết luận được tội phạm theo Điều 290, vì thông thường khi thoả mãn Điều 290 thì cũng đã thoả mãn Điều 173 hoặc Điều 174 BLHS năm 2015.

Thông qua một số bản án thực tế, tác giả nhận thấy thực tiễn đang định tội danh theo hướng: Nếu người phạm tội thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối hay lén lút thông qua các hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 290 thì hội đồng xét xử ưu tiên xác định tội phạm theo Điều 290 chứ không phải theo Điều 173 hay Điều 174 BLHS năm 2015.

Vụ án 01: Vào khoảng tháng 10/2018, bị cáo Nguyễn Thị Phương T đã sử dụng tài khoản Facebook tên “NT” (đây là tài khoản bị cáo tự lập) đăng tin giả rao bán hàng hóa là xe điện đồ chơi trẻ em, yêu cầu bà Bùi

⁹ Điều 12 BLHS năm 2015 quy định:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này.

Thị T1 chuyển số tiền 32.000.000 đồng thanh toán trước vào tài khoản ngân hàng mang tên bà T. Bà T1 đã chuyển số tiền 32.000.000 đồng đến tài khoản cá nhân của bị cáo và đặt thêm mua thêm đầm trẻ em. Bị cáo T tiếp tục yêu cầu bà T1 chuyển số tiền 7.500.000 đồng đến tài khoản cá nhân của bị cáo. Nghi ngờ nên bà T1 tố cáo hành vi của bị cáo. Với hành vi trên, Tòa án đã áp dụng Điều 290 BLHS năm 2015 để xét xử về “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”¹⁰.

Vụ án 02: Ngày 10/01/2021, Đặng Văn L đã có hành vi sử dụng máy tính bảng Samsung Galaxy đăng nhập vào tài khoản ví Senpay ID 0868393439 của anh Th chiếm đoạt 12.694.993 đồng thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản cá nhân của người khác để chiếm đoạt tài sản có giá trị nêu trên mà bị cáo thực hiện đã cấu thành “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015¹¹. Trong vụ án này, người phạm tội đã có hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2 triệu đồng trở lên bằng hình thức lén lút, hành vi này đã phù hợp với dấu hiệu của Tội trộm cắp tài sản, nhưng Tòa án nhận định hành vi trên đã phạm vào tội quy định tại Điều 290 BLHS năm 2015 vì đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thông

qua việc truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản.

Tác giả hoàn toàn đồng ý với quan điểm xét xử trong 2 vụ án trên vì như vậy sẽ không có sự chồng chéo khi phân định Điều 290 với các tội xâm phạm sở hữu, cụ thể là Điều 173, Điều 174; đồng thời phù hợp với khách thể trực tiếp của tội phạm. Tuy nhiên, thực tiễn định tội danh như vậy sẽ mâu thuẫn với quy định tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi quy định tại Điều 290 BLHS năm 2015 về dấu hiệu định tội: **“nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này”**.

Thứ hai, về dấu hiệu “tài khoản” là dấu hiệu định tội tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 chưa có văn bản hướng dẫn thi hành, vì vậy dẫn đến có cách hiểu khác nhau. Theo điểm a, b khoản 1 Điều 290 có thể hiểu tài khoản ở đây là tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên, tại điểm c khoản 1 Điều 290 “truy cập bất hợp pháp vào **tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân** nhằm chiếm đoạt tài sản” thì không quy định rõ tài khoản ở đây là tài khoản gì. Có quan điểm cho rằng: “Thuật ngữ “tài khoản” quy định tại Điều 290 BLHS năm 2015 là nói đến tài khoản về tiền được đăng ký ở các tổ chức tín dụng, nghĩa là khi xảy ra việc sử dụng thông tin về tài khoản, truy cập bất hợp pháp vào tài khoản là ngay sau đó có thể chiếm đoạt được tiền, tài sản; còn “tài khoản Facebook” không liên quan gì đến tiền, tài sản”¹². Vì vậy, “hành vi tìm

¹⁰ Bản án số 280/2020/HS-PT ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Nguồn: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta507002t1cvn/c-hi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 19/09/2022.

¹¹ Bản án số 290/2021/HS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta801776t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 19/09/2022.

¹² Hoàng Quảng Lực, *Định tội đối với hành vi sử dụng mạng xã hội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchi.toaan.vn/dinh-toi-doi-voi-hanh-vi-su-dung-mang-xa>

được, lấy được mật khẩu để chiếm đoạt tài khoản Facebook của người khác, sau đó tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người thân quen của những người có tài khoản Facebook bị chiếm đoạt không phải là hành vi được quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015”¹³. Tác giả không đồng tình với quan điểm này. Mặc dù “tài khoản” tại điểm a, b khoản 1 Điều 290 được quy định là tài khoản ngân hàng, tuy nhiên, điểm c khoản 1 Điều 290 không quy định rõ, và nếu xét trong tổng thể khoản 1 Điều 290 thì “tài khoản” tại điểm c là các tài khoản khác không phải là tài khoản ngân hàng đã được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015. Theo quan điểm của tác giả, dấu hiệu “tài khoản” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 290 có thể được hiểu là các tài khoản được tạo thông qua mạng máy tính hay mạng viễn thông như: Faceook, Zalo, Viber... hay các tài khoản ví điện tử như Zalopay, ShopeePay, Momo... Như vậy, tài khoản Facebook hay các ví điện tử có liên kết với các ngân hàng thực hiện các chức năng thanh toán cũng được xem là một loại tài khoản theo điểm c khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015.

Từ một số vụ án, tác giả nhận thấy thực tiễn cũng đang định tội danh theo cách hiểu này. Vụ án 1: Từ ngày 22/12/2016 đến ngày 25/01/2017, Phạm Thị Bích H đã có hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản mạng xã hội Facebook của chị Huỳnh Thị Lan N, lấy danh nghĩa chị N để mượn tiền chị Nguyễn Thị D 03 lần nhằm chiếm đoạt tài sản của chị D với tổng số tiền là 47.000.000 đồng. Tòa án nhân dân quận A, Tp. Hồ Chí

Minh nhận định bị cáo Phạm Thị Bích H **đã thực hiện hành vi xâm nhập trái phép vào tài khoản mạng xã hội Facebook của chị Huỳnh Thị Lan N** (hành vi này được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015) đã đủ yếu tố cấu thành “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 290 BLHS năm 2015¹⁴. Vụ án 2: Bị cáo Đặng Quang T đã thực hiện hành vi chiếm giữ điện thoại của bị hại Nguyễn Duy P và truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ZaloPay của Nguyễn Duy P có liên kết thẻ ngân hàng Vietcombank, Đặng Quang T nạp 20 lần tổng cộng số tiền 20.000.000 đồng vào ví ZaloPay sau đó chuyển 20.000.000 từ tài khoản Zalopay của anh P sang tài khoản của mình. Tài khoản ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Duy P bị trừ 20.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Đặng Quang T đã phạm vào “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” **quy định tại điểm c khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015**¹⁵.

Vì vậy, cần có văn bản hướng dẫn dấu hiệu định tội “tài khoản” trong các điểm a, b, c khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 để hiểu và áp dụng pháp luật được thống nhất.

Thứ ba, dấu hiệu “để chiếm đoạt tài sản” tại điểm a hay “nhằm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm b, c, d, đ tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 được quy định là dấu hiệu mục đích theo quan

hoi-lua-dao-chiem-doat-tai-san6049.html, truy cập ngày 20/9/2022.

¹³ Hoàng Quảng Lực, tlđd.

¹⁴ Bản án số 300/2018/HS-PT ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta327374t1cvn/c-hi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 21/9/2022.

¹⁵ Bản án số 118/2020/HS-PT ngày 02/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta495354t1cvn/c-hi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 21/9/2022.

điểm của tác giả là không phù hợp. Tội phạm tại Điều 290 là tội phạm có cấu thành hình thức, tức là trong mặt khách quan chỉ quy định dấu hiệu hành vi khách quan là dấu hiệu bắt buộc. Tuy nhiên, hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 290 không phải là hành vi chiếm đoạt mà là các hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hay phương tiện điện tử để nhằm hướng đến mục đích chính của người phạm tội là chiếm đoạt tài sản. Theo quy định về tên tội danh, “chiếm đoạt tài sản” là dấu hiệu hành vi, nhưng theo quy định trong cấu thành cơ bản tại khoản 1 Điều 290 thì “chiếm đoạt tài sản” lại được quy định là dấu hiệu mục đích. Nếu theo quy định hiện hành “chiếm đoạt tài sản” là dấu hiệu mục đích thì tội phạm tại Điều 290 sẽ hoàn thành ngay khi người phạm tội thực hiện các hành vi tại khoản 1 Điều 290 với mục đích là nhằm chiếm đoạt tài sản mà không cần thực hiện hành vi chiếm đoạt, còn nếu xem xét “chiếm đoạt tài sản” là dấu hiệu hành vi thì tội phạm này chỉ hoàn thành khi người phạm tội thực hiện một trong các hành vi tại khoản 1 Điều 290 và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên thực tế. Quay trở lại vụ án bị cáo Nguyễn Thị Phương T bị xét xử về “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” đã đề cập ở trên. Hội đồng xét xử nhận định: “*Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần với lần phạm tội thứ 02 thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, là tình tiết định khung tại điểm b khoản 2 Điều 290 của BLHS*” nên Tòa xét xử về “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”¹⁶.

Trong vụ án này, tác giả đồng ý với hội đồng xét xử là áp dụng tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” tại điểm b khoản 2 Điều 290 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, hội đồng xét xử nhận định lần phạm tội thứ hai là phạm tội chưa đạt lại không phù hợp với quy định Điều 290. Có thể ở lần thứ hai, người phạm tội chỉ mới đưa ra thông tin gian dối bằng việc bán hàng thông qua mạng xã hội Facebook nhưng nạn nhân không tin nên hành vi chiếm đoạt chưa được thực hiện. Tuy nhiên, Điều 290 quy định “chiếm đoạt tài sản” là dấu hiệu mục đích chứ không phải là dấu hiệu hành vi. Vì vậy, trong trường hợp này, cả 02 lần thực hiện hành vi, người phạm tội đã đưa ra thông tin gian dối thông qua hành vi bán hàng qua mạng xã hội Facebook và đã đủ chứng cứ chứng minh mục đích của người phạm tội là muốn chiếm đoạt tài sản của nạn nhân. Việc nhận định của hội đồng xét xử cho rằng lần phạm tội thứ hai là phạm tội chưa đạt là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015.

Tác giả cho rằng, dấu hiệu “chiếm đoạt tài sản” được quy định là dấu hiệu mục đích tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 hiện hành là không hợp lý vì: (1) Điều 290 về bản chất khác với Điều 173 hay Điều 174 là thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thông qua các hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, vì vậy, dẫn đến khách thể trực tiếp có sự khác biệt nhưng mục đích chính của người phạm tội vẫn hướng đến quan hệ sở hữu của nạn nhân. Tuy nhiên, so sánh với Điều 173 và Điều 174 thì 2 tội phạm này không những quy định hành vi chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc mà còn quy định hậu quả là dấu hiệu bắt buộc

¹⁶ Bản án số 280/2020/HS-PT ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Nguồn:

<https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta507002t1cvn/c-hi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 19/09/2022.

để xác định tội phạm vì khi có hậu quả xảy ra thì mới thể hiện được đầy đủ tính nguy hiểm của hành vi. Trong khi đó, Điều 290 chỉ quy định các hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông với mục đích chiếm đoạt tài sản mà không quy định hành vi chiếm đoạt tài sản là bắt buộc, liệu như vậy có đảm bảo tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi?; (2) Thông qua khảo sát một số bản án thực tế¹⁷, tác giả nhận thấy các vụ án bị xét xử theo Điều 290 BLHS năm 2015 thì người phạm tội đều đã có hành vi chiếm đoạt tài sản và có thiệt hại xảy ra trên thực tế. Điều này có thể xuất phát từ thực tế khi nạn nhân mất tài sản thì mới có hành vi tố giác, vì vậy cơ quan chức năng mới nhận biết có các dấu hiệu của tội phạm, từ đó mới tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự. Nhưng thông qua thực tế về tình hình tội phạm, tác giả cho rằng, khó có thể kết luận được tội phạm theo Điều 290 BLHS năm 2015 nếu người phạm tội chưa thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên thực tế. Do đó, quy định của pháp luật cần phù hợp với mức độ nguy hiểm của hành vi cũng như phù hợp với thực tế tình hình tội phạm diễn ra. Tác giả cho rằng, “chiếm đoạt tài sản” cần được quy định là dấu hiệu hành vi khách quan mới thể hiện được đầy đủ tính nguy hiểm của tội phạm, phù hợp trong sự đánh giá với quy định của các tội xâm phạm sở hữu, phù hợp với tên tội danh cũng như tình hình tội phạm xảy ra trên thực tế. Việc quy định như vậy cũng sẽ phân hoá được mức độ nguy hiểm, ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự

của người phạm tội: Khi thực hiện hành vi tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 với mục đích chiếm đoạt tài sản nhưng chưa thực hiện được hành vi chiếm đoạt tài sản do những nguyên nhân khách quan thì xác định là giai đoạn phạm tội chưa đạt, còn nếu người phạm tội thực hiện các hành vi tại khoản 1 Điều 290 và đồng thời thực hiện được hành vi chiếm đoạt trên thực tế thì tội phạm sẽ hoàn thành. Vì vậy cần thiết có sự sửa đổi tinh tiết “để chiếm đoạt tài sản” hay “nhằm chiếm đoạt tài sản” tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015.

Thứ tư, về tình tiết tăng nặng định khung “phạm tội từ 02 lần trở lên” tại điểm b khoản 2 Điều 290 BLHS năm 2015 có sự áp dụng không thống nhất trên thực tế khi có sự nhầm lẫn với tình tiết “tội liên tục”¹⁸. Việc xem xét các hành vi phạm tội của chủ thể thực hiện tội phạm là tội liên tục hay phạm tội từ 02 lần trở lên sẽ ảnh hưởng đến việc xác định khung hình phạt làm cơ sở quyết định hình phạt cho người phạm tội. Việc áp dụng chưa thống nhất này, theo quan điểm của tác giả xuất phát một phần từ lý do là chưa có văn bản hướng dẫn thống nhất dấu hiệu “phạm tội từ 02 lần trở lên” và “tội liên tục” trong Điều 290 BLHS năm 2015. Ví dụ, trong vụ án đã nêu ở trên, Đặng Văn L sử dụng máy tính bảng Samsung Galaxy đăng nhập vào tài khoản ví Senpay do anh Th quản lý và sử dụng thì lúc này trên màn hình điện thoại gợi ý lên

¹⁷ Tác giả đã tiến hành khảo sát 114 bản án về Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290 BLHS năm 2015) được công bố trên trang: <https://congbobanan.toaan.gov.vn>. Nguồn: <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0t15at1cvn/Tra-cu-ban-an>, truy cập ngày 22/09/2022.

¹⁸ “Tội liên tục là tội phạm mà hành vi khách quan có tính liên tục, bao gồm nhiều hành vi cùng loại xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian, cùng xâm hại một quan hệ xã hội và cùng bị chi phối bởi một ý định phạm tội cụ thể, thống nhất”, xem: Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, (Tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh, 2019, tr.127.

hàng loạt số điện thoại có đăng ký ví Senpay. L ngẫu nhiên bấm vào số điện thoại 0868393439 và bấm mật khẩu là 123456 thì ví Senpay báo đăng nhập thành công và thấy trong tài khoản trong ví Senpay ID 0868393439 mang tên Nguyễn Dương Hữu Th có khoảng gần 13.000.000 đồng nên L nảy sinh chiếm đoạt toàn bộ số tiền có trong ví Senpay ID 0868393439. Để thực hiện việc chiếm đoạt này, L chuyển toàn bộ số tiền có trong ví Senpay ID 0868393439 đến ví Senpay ID 0384501260 mang tên Nguyễn Tấn T do L quản lý và sử dụng (L mượn Chứng minh nhân dân của T để mở tài khoản). Tuy nhiên, để chuyển toàn bộ số tiền nêu trên trong 01 lần chuyển thì cần phải nhập mã xác thực OTP do hệ thống Senpay gửi về sim điện thoại 0868393439, do không có được mã xác thực OTP nên L tiếp tục thực hiện 12 lần chuyển tiền (mỗi lần chuyển số tiền nhỏ hơn 2.000.000 đồng thì sẽ không cần mã xác thực OTP) từ ví Senpay ID 0868393439 đến ví Senpay ID 0384501260 mang tên Nguyễn Tấn T với số tiền 12.694.993 đồng. Đặng Văn L phạm tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” **theo điểm c khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015**¹⁹.

Trong vụ án trên, tác giả đồng ý với quan điểm của hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” (điểm b khoản 2 Điều 290). Mặc dù người phạm tội thực hiện nhiều hành vi cùng loại là chiếm đoạt tài sản thông qua việc truy cập trái phép vào tài khoản của nạn nhân, có sự liên tiếp về mặt thời gian và quan trọng

là xuất phát từ ý chí muốn chiếm đoạt tổng tài sản của nạn nhân, nhưng buộc phải thực hiện thành nhiều lần thì mới chiếm đoạt được hết tài sản của nạn nhân. Vì vậy, đây là tội liên tục chứ không phải là phạm tội từ 02 lần trở lên.

Hay vụ án khác: Vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 04/11/2021, tại nhà xe trong trụ sở Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ, ông M phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Airblade của bà H1 không khóa cốp nên đến mở cốp xe lấy 01 ví cầm tay màu đỏ rồi bỏ đi. M lấy ví ra để kiểm tra bên trong ngoài các giấy tờ tùy thân thì có 01 thẻ ATM Ngân hàng Quân đội (MB bank) mang tên Đặng Bá T và 01 thẻ ATM Agribank mang tên Trần Thị H1. Tiếp đó, M đến trụ ATM của Ngân hàng Agribank, sử dụng ngày sinh trong các giấy tờ để đăng nhập 02 thẻ ATM thì đăng nhập được thẻ ATM Ngân hàng Quân đội mang tên ông Đặng Bá T (là chồng của bà H1). Trong tài khoản ngân hàng của ông T có 10.000.000 đồng. Cùng ngày, M đến trụ ATM Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), sử dụng thẻ ATM của ông T, đăng nhập và rút số tiền 2.000.000 đồng thì máy ATM báo hết tiền. M tiếp tục sử dụng thẻ ATM của ông T sang trụ ATM Ngân hàng Đông Nam Á (Seabank) bên cạnh, đăng nhập và thực hiện 03 lần rút tiền với số tiền lần lượt là 2.000.000 đồng, 3.000.000 đồng, 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ông M “Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” **theo điểm b khoản 2 Điều 290 BLHS năm 2015**.

Trong vụ án này, tác giả không đồng tình với quan điểm của hội đồng xét xử khi áp dụng tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” cho người phạm tội. Việc người phạm tội thực hiện 4 lần rút tiền tại cây ATM bị

¹⁹ Bản án số 290/2021/HS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Nguồn: <https://congboaban.toaan.gov.vn/2ta801776t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 19/09/2022.

chi phối bởi một ý định thống nhất là muốn chiếm đoạt hết số tiền trong thẻ. Đây là trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi cùng loại, có sự liên tiếp về thời gian và bị chi phối bởi một ý định thống nhất và quan trọng là người phạm tội buộc phải thực hiện nhiều hành vi thì mới đạt được ý định phạm tội ban đầu. Đây phải là trường hợp tội liên tục, tuy nhiên hội đồng xét xử lại áp dụng điểm b khoản 2 Điều 290 BLHS “phạm tội từ 02 lần trở lên” là không hợp lý.

Qua 02 vụ án trên nhận thấy, có sự giống nhau trong cách thức thực hiện hành vi nhưng khi áp dụng tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” tại điểm b khoản 2 Điều 290 BLHS thì lại không có sự thống nhất. Vì vậy, cần thiết có văn bản hướng dẫn phân biệt rõ tình tiết “tội liên tục” và “phạm tội từ 02 lần trở lên”.

3. Một số kiến nghị

Từ những phân tích ở phần trước, tác giả có một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, đề xuất bỏ dấu hiệu “*không thuộc trường hợp tại Điều 173 hoặc Điều 174 BLHS*” tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 vì như vậy mới phù hợp với việc định tội danh cũng như khách thể trực tiếp của tội phạm. Đồng thời, để việc phân biệt tội danh được chính xác, không có sự chồng lấn thì cũng cần sửa đổi lại dấu hiệu định tội trong cấu thành cơ bản của Tội trộm cắp tài sản (Điều 173) và Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174) bằng việc bổ sung thêm dấu hiệu “không thuộc trường hợp tại Điều 290 BLHS”.

Thứ hai, cần sửa đổi lại dấu hiệu “chiếm đoạt tài sản” là dấu hiệu hành vi và quy định tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 chứ không phải quy định là dấu hiệu mục đích như hiện nay.

Từ 2 kiến nghị trên, theo tác giả, khoản 1 Điều 290, khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015 cần sửa đổi lại như sau:

Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (sửa đổi)

1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây²⁰ thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân **thực hiện hành vi** chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

b) Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả **thực hiện hành vi** chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân **thực hiện hành vi** chiếm đoạt tài sản;

d) Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng **thực hiện hành vi** chiếm đoạt tài sản;

đ) Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet **thực hiện hành vi** chiếm đoạt tài sản.

...

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản (sửa đổi)

²⁰ Đã bỏ dấu hiệu “không thuộc trường hợp tại Điều 173 hoặc Điều 174 của Bộ luật này” tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây ***nếu không thuộc trường hợp được quy định tại Điều 290 của Bộ luật này***, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (sửa đổi)

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây ***nếu không thuộc trường hợp được quy định tại Điều 290 của Bộ luật này***, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

Thứ ba, cần có văn bản hướng dẫn thống nhất một số dấu hiệu định tội và định khung được quy định tại Điều 290 BLHS năm 2015.

Một là, cần hướng dẫn dấu hiệu “tài khoản” quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 290 theo hướng: Tài khoản được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 290 là tài khoản ngân hàng và có định nghĩa tài khoản ngân hàng là gì trong các hướng dẫn. Còn tài khoản được quy định tại điểm c là tài khoản không thuộc trường hợp tại điểm a, b khoản 1 Điều 290 mà bao gồm các loại tài khoản được thiết lập thông qua mạng xã hội hay mạng viễn thông, chẳng hạn như tài khoản mạng xã hội Facebook, các tài khoản ví điện tử: Zalopay, ShopeePay, Momo...

Hai là, cần hướng dẫn thống nhất lại tình tiết tăng nặng định khung “phạm tội từ 02 lần trở lên” tại điểm b khoản 2 Điều 290

BLHS năm 2015 và có sự phân định cụ thể tình tiết này với tình tiết “phạm tội liên tục”, nên có một số ví dụ cụ thể để phân biệt 02 tình tiết này vì trong Điều 290 trường hợp tội liên tục xuất hiện khá phổ biến. Mặc dù trước đây đã có hướng dẫn “phạm tội nhiều lần” trong **Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 226b BLHS năm 1999)**²¹, tuy nhiên hướng dẫn này vẫn chưa phân định được với trường hợp tội liên tục. Theo quan điểm của tác giả, nên hướng dẫn và phân biệt rõ: *Phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 290 BLHS năm 2015 được hiểu là người phạm tội đã có từ hai lần phạm tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử chiếm đoạt tài sản trở lên, mà chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp người phạm tội thực hiện từ 02 lần trở lên một trong các hành vi tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 nhưng bị chi phối bởi một ý định phạm tội thống nhất ban đầu và họ phải thực hiện nhiều hành vi cùng loại đó để đạt được mục đích của mình thì xác định đó không phải là phạm tội từ 02 lần trở lên mà là phạm tội liên tục. Ví dụ như dùng thẻ ATM của một người khác rút tiền mà không được sự đồng ý của chủ thẻ, người phạm tội thực hiện hành vi có sự liên tiếp về thời gian nhưng phải rút thành nhiều lần mới chiếm đoạt được tài sản của nạn nhân theo mong muốn thì thuộc trường hợp “tội liên tục” chứ không phải là “phạm tội từ 02 lần trở lên”.*

²¹ Xem Khoản 5 Điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSND TC-TANDTC.